

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-PT

Ngày 03 - 3 - 2026

V/v Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hà*Các Thẩm phán:* Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Kim P, sinh năm 1972; CCCD số 094172009***.

Địa chỉ: Số 484/5, khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B (nay là phường H, tỉnh C).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Huỳnh Tổ H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 45H, đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh B (nay là phường B, tỉnh C) (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2024).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1973. CCCD số 095073000136.

Địa chỉ: Số 62, đường L, khóm 2 phường B, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Kim X, sinh năm 1939;

2. Ông Châu Minh U, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh B (nay là phường H,

tỉnh C)

3. Anh Lê Quốc T, sinh ngày 04/7/2006;

4. Anh Lê Quốc T, sinh ngày 19/5/2000;

Cùng địa chỉ: Số 484/5, khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B (nay là phường H, tỉnh C)

(Bà H có mặt, ông V xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Châu Kim P và đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Bà P và ông Lê Hoàng V kết hôn 1999, đã ly hôn theo Quyết định số 282/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nay bà P yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những nội dung sau:

Về tài sản: Vào năm 2002, bà P có nhận chuyển nhượng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 39, diện tích 262,47m², đất tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng. Bà P đã thực hiện thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CY 496870 do Ủy ban nhân dân Khu vực 6 - Cấp cho ông Lê Hoàng V và bà Châu Kim P ngày 05/11/2020. Năm 2014, bà P xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất trên, nhà được xây dựng vách tường, cột bê tông cốt thép, mái tôn có chiều ngang khoảng 05m, chiều dài khoảng 24m, giá trị xây dựng khoảng 500.000.000 đồng. Nhà và đất hiện nay do bà P cùng 02 con là anh Lê Quốc T và anh Lê Quốc T1 đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vào năm 2002, bà P có vay của mẹ ruột là bà Hồ Kim X 07 lượng vàng 24K (tương đương 50.000.000 đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, số nợ này bà P vẫn chưa thanh toán cho mẹ bà P. Đến năm 2014, do không đủ tiền để xây nhà bà P có vay của em bà P là ông Châu Minh U số tiền 400.000.000 đồng. Hiện nay bà P vẫn còn nợ ông U số tiền 400.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2024 bà P khởi kiện ông Lê Hoàng V yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - C giải quyết:

Công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 96, tờ bản đồ số 39, diện tích 262,47m², đất tọa lạc tại khóm Chòm Xoài, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu tỉnh Bạc Liêu và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất cho bà P được toàn quyền quản lý, sử dụng. Bà P đồng ý trả cho bà Hồ Kim X, ông Châu Minh U toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Trường hợp ông V xác định đây là tài sản chung của vợ chồng thì yêu cầu ông V có trách nhiệm cùng bà P trả nợ cho bà X 07 lượng vàng 24K, trả nợ cho ông U số tiền 400.000.000 đồng. Bà P yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, bà P yêu cầu được nhận căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và đồng ý trả giá trị tài sản cho ông V.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/5/2025, bà P trình bày thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà P yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, bà P yêu cầu chia theo tỷ lệ 7/3, bà P hưởng 70%, ông V hưởng 30% phần, vì tài sản này chủ yếu là do gia đình bà P giúp đỡ cho mượn tiền để xây dựng nên. Ngoài ra hiện bà P phải trực tiếp nuôi 02 người con bị bệnh, để đảm bảo quyền lợi cho các con của bà P nên bà P yêu cầu ông V nhận phần ít hơn để bà P có chỗ ở, điều kiện để chăm sóc các con của bà P. Yêu cầu ông V có trách nhiệm cùng bà P trả nợ cho bà X 07 lượng vàng 24K, trả cho ông U số tiền 400.000.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Hoàng V trình bày:*

Về tài sản bà P và ông V trong quá trình chung sống có tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 96, sớ bản đồ số 39, diện tích 262,47m², đất tọa lạc tại khóm Chòm Xoài, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu tỉnh Bạc Liêu và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, bà P yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và đất, hoàn trả giá trị tài sản chung lại cho ông V thì ông đồng ý, cũng đồng ý giao nhà cho bà P và các con ông là Quốc Thái và Quốc Thịnh được tiếp tục sử dụng nhưng không đồng ý việc bà P yêu cầu nhận kỷ phần bằng 70% giá trị tài sản, ông V yêu cầu nhận 50% giá trị tài sản (nhà và đất). Lý do ông V còn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng cho anh Quốc Thái, Quốc Thịnh.

Đối với khoản vay của bà Hồ Kim X như bà P trình bày là 07 lượng 24K thì ông V xác định không có sự việc này. Đối với diện tích đất đang tranh chấp ông mua năm 2003, 2004 chuyển nhượng là 3.000.000 đồng, ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Cạo nên việc bà P trình bày mượn tiền mẹ ruột là bà X thì hoàn toàn không có.

Đối với khoản mượn của Châu Minh U năm 2014, số tiền 400.000.000 đồng là hoàn toàn không có. Nguồn tiền để xây nhà là do vợ chồng tích cóp trong 10 năm. Thời điểm năm 2014 bản thân vợ chồng ông U còn đi làm công ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không có tiền.

** Theo đơn yêu cầu độc lập và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Minh U trình bày:*

Ông U là em ruột của bà Châu Kim P. Năm 2014, do không đủ tiền để xây nhà nên bà P, ông V có vay tiền của ông U với số tiền cụ thể: Lần thứ nhất vay 200.000.000 đồng, khi vay có lập giấy biên nhận đề ngày 15/4/2014, lần thứ hai vay 200.000.000 đồng, khi vay có lập giấy biên nhận đề ngày 01/10/2014, không lãi suất. Mục đích ông U cho vay tiền là để vợ chồng bà P có tiền xây nhà. Khi cho vay cũng không thỏa thuận thời gian trả là bao lâu, khi nào vợ chồng chị Phụng có tiền sẽ trả lại cho ông. Do ông U thấy chị Phụng khó khăn kinh tế, ông lại có điều kiện nên đến nay ông vẫn chưa yêu cầu chị Phụng trả cho ông số tiền này.

Hiện nay vợ chồng bà P đang được Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên ông U yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau giải quyết: Buộc Châu Kim P

và Lê Hoàng V cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

** Theo biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Kim X trình bày:*

Bà X là mẹ ruột của Châu Kim P. Vào năm 2002, bà X có cho vợ chồng con bà X vay 07 lượng vàng 24k (tương đương 50.000.000 đồng lúc bấy giờ) để nhận chuyển nhượng đất tọa lạc tại khóm Chòm Xoài, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Khi vay có lập giấy biên nhận đề ngày 25/9/2002 Khi cho vay cũng không thỏa thuận thời hạn trả là bao lâu, khi nào bà P, ông V có tiền thì trả lại cho bà. Tuy nhiên từ khi vay đến khi tòa án thụ lý vụ án ly hôn, bà X thấy con bà X vẫn còn khó khăn kinh tế, chưa có điều kiện nên bà cũng chưa yêu cầu trả lại 07 lượng vàng 24k.

Nay vợ chồng bà P đang được Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên bà X yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau giải quyết: Buộc Châu Kim Phụng và Lê Hoàng V cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà X 07 (bảy) lượng vàng 24k, loại vàng đang được lưu hành tại thị trường địa phương, bà X không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 59; Điều 60; Điều 62; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 1 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tài sản chung:

Giao cho bà Châu Kim P được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 39, đất tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B(nay là phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CY 496870 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho ông Lê Hoàng V và bà Châu Kim P ngày 05/11/2020. Đất có kích thước, định vị như sau:

Hướng đông giáp thửa 16, tờ bản đồ số 39 có số đo 5,03m.

Hướng tây giáp ranh giải phóng mặt bằng đường Ngô Quyền có số đo 5,48m.

Hướng bắc giáp thửa 13, 15, tờ bản đồ số 39 có số đo 24,64m + 0,63m + 11,12m + 8,61m.

Hướng nam giáp thửa 17, tờ bản đồ số 39 có số đo 25,55m + 1,11m + 10,45m + 8,03m.

Tổng diện tích: 262,47m²

Các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

Nhà ở loại III, có kết cấu khung cột bê tông, cốt thép, tường gạch bao quanh, có dán gạch ốp tường + tô và sơn tường hoàn thiện, nền gạch men, mái lợp tole, có đóng la phong trần thạch cao và trần nhựa, mặt tiền trước có dán gạch, có hệ thống điện, nước, vệ sinh đầy đủ. Diện tích xây dựng nhà chính là 117,34m².

Mái che phía sau cột xi măng, mái lợp tole, đòn tay gỗ dầu, diện tích 15.08m². Bên dưới là nền xi măng, diện tích 15.08m².

Hàng rào phía sau cột bê tông, xây vách tường cao 0,4mét, phía trên hàng rào khung cột sắt lưới B40 tổng chiều dài 37,6m, cao 1,8m, diện tích 67,68m².

Hàng rào phía trước cọc sắt + cột bê tông, rào khung sắt, song sắt chiều dài 12,5m x cao 01m, diện tích 12,5m², sân xi măng diện tích 39,88m².

Buộc bà Châu Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng V 40% giá trị tài sản chung bằng số tiền 273.587.729 đồng.

Buộc ông Lê Hoàng V có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY 496870 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho ông Lê Hoàng V và bà Châu Kim P ngày 05/11/2020.

Về nợ chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông U, bà X đối với bà Châu Kim P.

Buộc bà Châu Kim P trả cho ông Châu Minh U số tiền 400.000.000 đồng.

Buộc bà Châu Kim P trả cho bà Hồ Kim X số tiền 817.600.000 đồng (tương đương giá trị 07 lượng vàng 24k tại thị trường phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau vào thời điểm xét xử).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông U, bà X đối với ông Lê Hoàng V

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2025 bà Châu Kim P kháng cáo với nội dung đề nghị buộc ông V trả cho ông U 400.000.000 đồng, trả cho bà X 07 lượng vàng 24k, nếu không buộc ông V trả số nợ trên thì đề nghị giao toàn bộ phần đất và nhà tại phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Hoàng V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng V.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà Châu Kim P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do toàn bộ tiền chuyển nhượng đất và xây nhà là do bà P mượn của bà X và ông U.

[3] Xét kháng cáo và lời trình bày của phía bà Châu Kim P:

Bà Châu Kim P cho rằng tài sản phần đất và nhà mà cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà phải trả 40% giá trị cho ông Lê Hoàng V là do bà mượn tiền của ông Châu Minh U và mượn vàng của bà Hồ Kim X chứ bà và ông V không có tiền mua đất và xây nhà. Xét, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa bà P và ông V vào năm 2020 cũng không ai đặt ra vấn đề ông V và bà P mượn tiền mua đất và xây nhà. Đại diện hợp pháp của bà P trình bày ông V là công chức nhà nước, tiền lương không đủ nuôi sống gia đình nên không có khả năng mua đất, xây nhà, tiền mua đất xây nhà phải mượn mẹ và em bà P. Trên thực tế gia đình bà P biết ông V không có khả năng kinh tế (Lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà P tại tòa), bà P lại không có việc làm, thì khi cho ông V bà P mượn tiền và vàng cần phải viết biên nhận nợ để đảm bảo khả năng thanh toán của ông V và bà P, trong khi đó giấy mượn nợ chỉ có bà P viết và ký tên, ông V không thừa nhận. Ngoài ra phía bà P còn cung cấp xác nhận của những cơ sở bán vật liệu xây dựng xác nhận cho bà P việc bà P xây nhà do trực tiếp bà P thanh toán. Xét các xác nhận này cũng chưa đủ căn cứ chứng minh nguồn tiền bà P thanh toán là do bà P và ông V mượn.

Bà P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình mua đất và xây dựng nhà có việc ông V mượn tiền và vàng. Cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà P giao 40% giá trị tài sản với số tiền 273.587.729 đồng cho ông V, buộc bà P thanh toán 400.000.000 đồng cho ông Châu Minh U, thanh toán 07 lượng vàng 24K cho bà Hồ Kim X là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Châu Kim P.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Châu Kim P phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Kim P. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau.

3. Căn cứ Điều 59; Điều 60; Điều 62; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 1 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về tài sản chung:

Giao cho bà Châu Kim P được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 39, đất tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B(nay là phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CY 496870 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho ông Lê Hoàng V và bà Châu Kim P ngày 05/11/2020. Đất có kích thước, định vị như sau:

Hướng đông giáp thửa 16, tờ bản đồ số 39 có số đo 5,03m.

Hướng tây giáp ranh giải phóng mặt bằng đường Ngô Quyền có số đo 5,48m.

Hướng bắc giáp thửa 13, 15, tờ bản đồ số 39 có số đo 24,64m + 0,63m + 11,12m + 8,61m.

Hướng nam giáp thửa 17, tờ bản đồ số 39 có số đo 25,55m + 1,11m + 10,45m + 8,03m.

Tổng diện tích: 262,47m².

Các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

Nhà ở loại III, có kết cấu khung cột bê tông, cốt thép, tường gạch bao quanh, có dán gạch ốp tường + tô và sơn tường hoàn thiện, nền gạch men, mái lợp tole, có đóng la phong trần thạch cao và trần nhựa, mặt tiền trước có dán gạch, có hệ thống điện, nước, vệ sinh đầy đủ. Diện tích xây dựng nhà chính là 117,34m².

Mái che phía sau cột xi măng, mái lợp tole, đòn tay gỗ dầu, diện tích 15.08m². Bên dưới là nền xi măng, diện tích 15.08m².

Hàng rào phía sau cột bê tông, xây vách tường cao 0,4mét, phía trên hàng rào khung cột sắt lưới B40 tổng chiều dài 37,6m, cao 1,8m, diện tích 67,68m².

Hàng rào phía trước cọc sắt + cột bê tông, rào khung sắt, song sắt chiều dài 12,5m x cao 01m, diện tích 12,5m², sân xi măng diện tích 39,88m².

3.2. Buộc bà Châu Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng V 40% giá trị tài sản chung bằng số tiền 273.587.729 đồng.

3.3. Buộc ông Lê Hoàng V có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY 496870 do Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp cho ông Lê Hoàng V và bà Châu Kim P ngày 05/11/2020 cho bà Châu Kim P.

3.4. Về nợ chung: Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông U, bà X đối với bà Châu Kim P.

Buộc bà Châu Kim P trả cho ông Châu Minh U số tiền 400.000.000 đồng.

Buộc bà Châu Kim P trả cho bà Hồ Kim X số tiền 817.600.000 đồng (tương đương giá trị 07 lượng vàng 24k tại thị trường phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau vào thời điểm xét xử).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông U, bà X đối với ông Lê Hoàng V

3.5. Về án phí:

Bà Châu Kim P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm có giá ngạch và án phí với phần nghĩa vụ trả nợ tổng cộng bằng 68.943.264 đồng. Bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.750.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003360 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau), đối trừ buộc bà P còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 60.193.264 đồng.

Ông Lê Hoàng V phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm có giá ngạch bằng 13.679.386 đồng.

Bà Hồ Kim X không phải nộp án phí.

Ông Châu Minh U không phải nộp án phí, ông U đã nộp số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000329 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau), ông U được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Châu Kim P phải nộp 300.000 đồng. Ngày 01/10/2025, bà P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000664 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

5. Các Quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 6 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Minh Nguyệt

Bùi Anh Tuấn

Hoàng Thị Hải Hà